TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN LỨC** **TỈNH L**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2020/DS-ST
Ngày: 25-9-2020
"V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - TỈNH L

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Miên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Tám

2. Bà Dương Thị Sáu

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Thái Thị Thanh Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh L tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Ngọc Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 251/2019/TLST-DS ngày 24/5/2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46A/2020/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2020, Quyết định tạm ngừng phiên toà số 05/2020/2020/QĐST-DS ngày ngày 17 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị Phi M, sinh năm 1964; Địa chỉ: số 18A lô 1, xã M, huyện B, tỉnh L.

- *Bị đơn*: Bà Phan Thị Kim L, sinh năm 1969; Địa chỉ: ấp 1, xã B1, huyện B, tỉnh L.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Huỳnh Kim H, sinh năm 1965; Địa chỉ: ấp 1, xã B1, huyện B, tỉnh L.

(Bà M có mặt, bà L và ông H yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05-5-2019, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Phi M trình bày:

Do quen biết nên bà có bán vật tư gồm gạch, tole, xi măng cho bà Phan Thị Kim L từ năm 2010 đến 2012, tổng cộng số tiền mà bà L còn nợ lại là 128.000.000 đồng. Bà đã nhiều lần yêu cầu bà L trả tiền nhưng bà L cố tình kéo dài không trả thể hiện trong 2 đoạn ghi âm cuộc gọi ngày 16/4/2019 và 02/5/2019. Tại đơn khởi kiện bà yêu cầu bà L phải trả cho bà số tiền 128.000.000 đồng và tiền lãi tính theo lãi suất 9%/năm từ tháng 12/2012 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa bà rút lại yêu cầu khởi kiện về tiền lãi, bà chỉ yêu cầu bà L trả 128.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Bà chỉ yêu cầu một mình bà L trả, không yêu cầu ông H phải có trách nhiệm liên đới cùng trả với bà L.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/10/2019 bà Phan Thị Kim L trình bày: trước năm 2010 bà có buôn bán vật liệu xây dựng và nhập gạch ống của bà M nhưng mỗi lần nhập hàng bà đều thanh toán dứt điểm nên không còn nợ. Bảng kê nợ bà L không thừa nhận. Bà không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà M và yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/10/2019, ông Huỳnh Kim H không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà M vì cho rằng việc kinh doanh của vợ ông không liên quan đến ông và ông cũng nghe bà L nói là đã thanh toán dứt điểm không còn nợ. Ông yêu cầu tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

Toà án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Thông báo đối chất, Quyết định tạm ngừng phiên toà và các tài liệu nguyên đơn cung cấp. Tuy nhiên, bà L không có mặt, không có bản tự khai và không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án bà M cung cấp được sổ ghi chép và hai đoạn ghi âm. Mặc dù bà L không đồng ý là có nợ nhưng không hợp tác để giám định giọng nói. Về sổ ghi chép bà M cung cấp mặc dù bà L không ký xác nhận nhưng trong sổ bà M cho rằng có bút tích của bà L nhưng

bà L không có mặt để đối chất. Đối với hai đoạn ghi âm bà L cũng không hợp tác để giám định giọng nói, bà M xuất trình được nguồn gốc và xuất xứ của đoạn ghi âm nên có căn cứ xác định giữa bà M và bà L có quan hệ mua bán hàng hóa và bà L còn nợ lại bà M 128.000.000 đồng. Bà L cho rằng bà đã trả xong không còn nợ nhưng không có chứng cứ chứng minh bà đã trả nợ cho bà M. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Lê Thị Phi M khởi kiện yêu cầu bà Phan Thị Kim L thanh toán số tiền xuất phát từ hợp đồng mua bán tài sản. Bà L đang cư trú tại ấp 1, xã B1, huyện B, tỉnh L. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*" và thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B.

[1.2] Về thời hiệu: Theo quy định tại khoản 2 Điều 149 Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc. Tuy nhiên, trong vụ án này không có đương sự nào yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu nên Tòa án không xem xét về thời hiệu.

[1.3] Bị đơn bà Phan Thị Kim L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Kim H yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành giải quyết và xét xử vắng mặt đương sự.

[1.4] Tại phiên tòa, bà M yêu cầu rút yêu cầu về việc tính lãi từ tháng 12/2012 đến ngày xét xử sơ thẩm. Việc rút đơn là hoàn toàn tự nguyện nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà M về việc yêu cầu tính lãi.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Bà M cung cấp đoạn ghi âm ngày 16/4/2019 có nguồn gốc là đoạn ghi âm cuộc gọi từ số điện thoại của bà (0938.068.448) đến số điện thoại của bà L (0903721953), theo văn bản cung cấp thông tin của Tổng công ty viễn thông Mobiphone thì số điện thoại 0938.068.448 do bà Lê Thị Phi M là chủ thuê bao và số điện thoại 0903721953 do bà Phan Thị Kim L là chủ thuê bao; theo bảng chi tiết dữ liệu thì ngày 16/4/2019 có cuộc gọi đi từ số điện thoại của bà M đến số

điện thoại bà L với thời lượng 72 giây là trùng khớp về thời gian gọi, thời lượng ghi âm và thông tin chủ thuê bao theo đoạn ghi âm ngày 16/4/2019 nên mặc dù không thể tiến hành giám định giọng nói trong đoạn ghi âm nhưng bà M cung cấp được đoạn ghi âm và chứng minh được xuất xứ, nguồn gốc, thông tin của đoạn ghi âm nên có cơ sở xem xét đoạn ghi âm ngày 16/4/2019 là chứng cứ và giọng nói trong đoạn ghi âm là của bà M với bà L.

[2.2] Theo đoạn ghi âm có nội dung bà M hỏi bà L: *khi nào trả tiền cho chị Loan, một trăm hai mươi mấy triệu em trả một cái một, hay e trả bớt cho chị trước một trăm đi Loan?"*, bà L trả lời: "*Một trăm á... thì người ta trả hết luôn chứ để thiếu làm chi*". Theo sổ viết tay ghi chép quá trình mua bán giữa bà M với bà L tính đến ngày 10/02/2012 bà L còn nợ bà M 128.000.000 đồng. Mặc dù sổ ghi chép không có chữ ký xác nhận của bà L và bà L không thừa nhận số nợ, nhưng theo lời trình bày của bà M thì trong sổ có bút tích của bà L và Tòa án đã thông báo đối chất nhưng bà L không hợp tác để làm rõ, hơn nữa sổ ghi chép được ghi trong thời gian dài, liên tục, số tiền chốt nợ là 128.000.000 đồng phù hợp với nội dung đoạn ghi âm ngày 16/4/2019 là bà L còn nợ bà M một trăm hai mươi mấy triệu đồng. Do đó, có cơ sở xác định giữa bà M với bà L có quan hệ mua bán vật tư xây dựng và bà L còn nợ bà M 128.000.000 đồng. Bà L không chứng minh được đã trả số tiền này cho bà M nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M, buộc bà L phải trả cho bà M 128.000.000 đồng.

[2.3] Đối với đoạn ghi âm cuộc gọi ngày 02/5/2019: Bà M trình bày đây là đoạn ghi âm cuộc gọi từ số điện thoại của bà đến số điện thoại của bà L và giọng nói trong đoạn ghi âm cũng là của bà và bà L. Tuy nhiên, theo bảng chi tiết dữ liệu của Tổng công ty Viễn thông Mobifone từ ngày 01/4/2019 đến ngày 31/5/2019 thì ngày 02/5/2019 không có lịch sử cuộc gọi nào giữa số điện thoại của bà M với số điện thoại của bà L. Bà M yêu cầu giám định giọng nói nhưng không cung cấp được mẫu giọng nói so sánh nên không thể giám định được nên không có chứng cứ chứng minh giọng nói trong đoạn ghi âm là của bà L. Do bà M không chứng minh được xuất xứ, nguồn gốc, giọng nói trong đoạn ghi âm nên đoạn ghi âm ngày 02/5/2019 không được xem là chứng cứ nên Tòa án không xem xét.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Phan Thị Kim L phải chịu 6.400.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 463, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Phi M về việc yêu cầu tính lãi suất từ tháng 12/2012 đến ngày xét xử sơ thẩm.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Phi M. Buộc bà Phan Thị Kim L phải trả cho bà Lê Thị Phi M số tiền 128.000.000 đồng (Một trăm hai mươi tám triệu đồng) phát sinh từ hợp đồng mua bán tài sản.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Bà Phan Thị Kim L phải chịu 6.400.000 đồng sung Ngân sách nhà nước.

Hoàn trả cho bà Lê Thị Phi M 3.200.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà M đã nộp theo biên lai thu số 0005363 ngày 24/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B.

Án xét xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh L.
-VKSND huyện Bến Lức.
-THA huyện Bến Lức.
-Các đương sự.
-Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Hồ Thị Miên

Nơi nhận:
-TAND tỉnh L.
-VKSND huyện Bến Lức.
-THA huyện Bến Lức.
-Các đương sự.
-Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Hồ Thị Miên